

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 90/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1992; Địa chỉ: Ấp B, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau;

- Anh Lê Văn N, sinh năm 1992; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tòa án hòa giải đoàn tụ không thành, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau toàn bộ yêu cầu về việc thuận tình ly hôn, cụ thể:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Lê Văn N thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Lê Văn N thống nhất giao con chung tên Lê Nguyễn Nhu M, sinh ngày 02/08/2014 và Lê Nguyễn Gia H, sinh ngày 01/08/2015 cho anh Lê Văn N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị N cấp dưỡng nuôi mỗi người con 1.000.000 đồng/tháng. Giao tiền cấp dưỡng vào ngày 12 hàng tháng. Bắt đầu từ 12/6/2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày anh Lê Văn N có đơn yêu cầu thi hành án Chị Nguyễn Thị N, không tự nguyện thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[3] Tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N và Anh Lê Văn N tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị N và Anh Lê Văn N xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Lệ phí việc dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị N và Anh Lê Văn N phải nộp số tiền 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*). Ngày 07/5/2020, chị Nguyễn Thị N và Anh Lê Văn N đã nộp số tiền tạm ứng lệ phí là 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*), tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai số 0001760 được chuyển thu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Lê Văn N thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Lê Văn N thống nhất giao con chung tên Lê Nguyễn Nhu M, sinh ngày 02/08/2014 và Lê Nguyễn Gia H, sinh ngày 01/08/2015 cho anh Lê Văn N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị N cấp dưỡng nuôi mỗi người con 1.000.000 đồng/tháng. Giao tiền cấp dưỡng vào ngày 12 hàng tháng. Bắt đầu từ 12/6/2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày anh Lê Văn N có đơn yêu cầu thi hành án Chị Nguyễn Thị N, không tự nguyện thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về Tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N và Anh Lê Văn N tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị N và Anh Lê Văn N xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí việc dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị N và Anh Lê Văn N phải nộp số tiền 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*). Ngày 07/5/2020, chị Nguyễn Thị N và Anh Lê Văn N đã nộp số tiền tạm ứng lệ phí là 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*), tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai số 0001760 được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP.Cà Mau;
- UBND xã Hòa Thành, TP. Cà Mau, T.Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thị Thu